

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng đặc cách
viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định kế hoạch tuyển dụng đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch năm 2019; Công văn số 1771/SNV-CBCCVC ngày 24/12/2019 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (để B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện; (đăng Website);
- Phòng Nội vụ (Niêm yết);
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

là CHỦ TỊCH



KẾ HOẠCH
TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO NĂM 2019

*(Kèm theo Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019
của UBND huyện Quảng Trạch)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên Mầm non; Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-



BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Công văn số 6134/BNV-CCVC ngày 23/11/2017 của Bộ Nội vụ về việc tính thời gian công tác xét tuyển đặc cách viên chức ngành giáo dục và đào tạo; Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ 2015 trở về trước;

Căn cứ Điều lệ trường học thuộc cấp học: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 1992/UBND-NC ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện tuyển dụng để chấm dứt hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 - 2020 từ biên chế dự phòng năm 2019;

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Công văn số 2209/SGDĐT-TCCB ngày 10/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ;

Căn cứ Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh; Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định kế hoạch tuyển dụng đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch năm 2019; Công văn số 1771/SNV-CBCCVC ngày 24/12/2019 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, năm học 2019 – 2020 trên địa bàn huyện.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, số lượng biên chế đã được tuyển dụng và nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị trường học trên địa bàn huyện.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu và vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng

1.1. Chỉ tiêu tuyển dụng: 66 chỉ tiêu, trong đó: (Có Biểu số 01 đính kèm)

- Khối Mầm non: 20 chỉ tiêu;
- Khối Tiểu học: 32 chỉ tiêu;
- Khối Trung học cơ sở: 14 chỉ tiêu.

1.2. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng:
Theo Biểu số 02 đính kèm.

2. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển đặc cách.

Việc xét tuyển được thực hiện như sau:

- Vòng 1: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ của người đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Sát hạch thông qua hình thức phỏng vấn về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người đăng ký dự tuyển.

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100. Thời gian phỏng vấn 30 phút (kể cả thời gian chuẩn bị). Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Nội dung

3.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

3.1.1. Đối tượng

Đối tượng được xem xét tuyển dụng đặc cách là giáo viên đang làm hợp đồng lao động theo vị trí việc làm giảng dạy tại cơ sở giáo dục công lập, đã có thời gian ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội làm công việc giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn trước ngày 31/12/2015, trong chỉ tiêu biên chế, có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng.

3.1.2. Điều kiện

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự xét tuyển đặc cách:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ được giao;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

- Hiện đang hợp đồng lao động theo vị trí việc làm giảng dạy (giáo viên) tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phân cấp quản lý của UBND huyện Quảng Trạch, đã có thời gian ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội làm công việc giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Quảng Trạch trước ngày 31/12/2015, trong chỉ tiêu biên chế (hợp đồng ở chỉ tiêu biên chế chưa tuyển dụng; không tính trường hợp hợp đồng thay viên chức nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ không hưởng lương) và thời gian hợp đồng giảng dạy được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc phải liên tục ở trình độ, vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Trường hợp hợp đồng giảng dạy được đóng bảo hiểm xã hội liên tục các năm học mà thời gian công tác trong năm có gián đoạn trong các trường hợp: thời gian nghỉ thai sản (không quá 06 tháng/lần sinh), thời gian nghỉ ốm có giấy chứng nhận điều trị nội trú của bệnh viện tuyến huyện trở lên (cộng dồn không quá 02 tháng/năm), thời gian nghỉ hè (không quá 08 tuần/năm học) thì thời gian công tác hàng năm được trừ đi thời gian đã nghỉ (nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ hè) và cộng dồn các năm thành thời gian công tác liên tục. Các trường hợp gián đoạn khác không được xem xét.

3.1.3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Quy định về đăng ký nguyện vọng dự tuyển

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển ở một vị trí việc làm gắn với một mã số dự tuyển trong Kế hoạch này. Thí sinh nào vi phạm sẽ bị loại khỏi danh sách dự tuyển.

- Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ thực hiện bố trí đơn vị công tác đối với viên chức trúng tuyển.

3.3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định);
- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;
- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;
- Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị xét tuyển đặc cách về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng (nếu có); bản nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác;

- Bản sao có chứng thực sổ bảo hiểm xã hội và bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến ngày nộp hồ sơ (có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực tất cả các hợp đồng lao động liên quan;

- Bản sao có chứng thực giấy tờ thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Bản tự kê khai diễn biến quá trình công tác của người dự tuyển (theo mẫu);

- Hai ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

Lưu ý: Người dự tuyển phải nộp đủ 02 bộ hồ sơ; hồ sơ dự tuyển không trả lại. Người dự tuyển phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ (qua Tổ phát hành và thu nhận hồ sơ); không nhận hồ sơ qua đường bưu điện hoặc do người khác nộp thay, nộp hộ.

3.4. Lệ phí đăng ký dự tuyển

Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Mức thu: 500.000đ/thí sinh.

3.5. Thời hạn và địa điểm thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Thời hạn phát hành và thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển là 05 ngày kể từ ngày có thông báo tuyển dụng của UBND huyện Quảng Trạch.

Địa điểm phát hành và thu nhận hồ sơ: Phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch (Tầng 3 cơ quan Chính quyền huyện; Địa chỉ: Thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình).

3.6. Nội dung kiến thức phỏng vấn

3.6.1. Phần kiến thức chung (Áp dụng cho tất cả các chức danh, vị trí việc làm)

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

- Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 31/12/2015;

- Quy định về đạo đức nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành theo Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.6.2. Phần kiến thức chuyên ngành (Áp dụng theo từng chức danh, vị trí việc làm)

*** Đối với chức danh giáo viên Mầm non:**

+ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường mầm non;



+ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

+ Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

*** Đối với chức danh giáo viên Tiểu học:**

+ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường tiểu học.

+ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

+ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

*** Đối với chức danh giáo viên THCS:**

+ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

+ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

3.7. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ; con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19/8/1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

3.8. Cách tính điểm

+ Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

+ Kết quả xét tuyển (KQXT) là tổng số điểm của điểm phỏng vấn tại vòng 2 (ĐPV) + điểm ưu tiên (ĐƯT) (nếu có): **KQXT = ĐPV + ĐƯT**

3.9. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức phải có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên và được xét trúng tuyển như sau:

3.9.1. Trường hợp những người tham gia dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ chuyên môn ở các bậc đào tạo khác nhau thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự trình độ chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm, cụ thể theo thứ tự: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp.

Đối với vị trí việc làm giáo viên THCS dạy 02 môn, nếu người dự tuyển sử dụng 02 văn bằng chuyên môn phù hợp để đăng ký dự tuyển thì sử dụng văn bằng có trình độ cao nhất để xác định trình độ tham gia dự tuyển.

3.9.2. Trường hợp những người tham gia dự tuyển có cùng trình độ đào tạo thì người có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn là người trúng tuyển. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển, nếu điểm phỏng vấn bằng nhau thì lấy người có điểm phỏng vấn chuyên ngành cao hơn; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo quy định.

Người không trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ tuyển dụng lần sau.

4. Thẩm quyền tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc

- Sau khi có Công văn thẩm định kế hoạch xét tuyển đặc cách của Sở Nội vụ, UBND huyện thành lập Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát, ban hành Quy chế xét tuyển để thực hiện quy trình tuyển dụng theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định tuyển dụng và bố trí công tác đối với người trúng tuyển sau khi thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ gốc theo quy định.

- Thủ trưởng các đơn vị trường học ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển viên chức theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát, Tổ phát hành và thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, ban hành Quy chế xét tuyển; là cơ quan thường trực của Hội đồng xét tuyển.

2. Phòng Giáo dục & Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nội vụ trong công tác tham mưu thực hiện xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu UBND huyện cấp kinh phí tổ chức tuyển dụng và hướng dẫn sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.



4. Văn phòng HĐND&UBND huyện chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Nội vụ thông báo công khai và kịp thời những nội dung có liên quan đến kỳ xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.

5. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện có trách nhiệm thông báo công khai trên hệ thống loa truyền thanh của huyện các thông tin liên quan đến kỳ xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2019.

6. Giao Chủ tịch Hội đồng xét tuyển căn cứ vào nội dung Kế hoạch này và các văn bản có liên quan thành lập các Ban, Tổ giúp việc cho Hội đồng; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và điều hành hoạt động của Hội đồng trong quá trình tổ chức xét tuyển theo quy định.

7. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm cử công chức, viên chức tham gia vào các Ban và các Tổ giúp việc theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, tạo điều kiện cho Hội đồng thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định.

8. Thủ trưởng các đơn vị trường học chịu trách nhiệm trước UBND huyện và pháp luật về các hợp đồng lao động đã ký kết với những đối tượng đăng ký dự tuyển. Trường hợp phát hiện việc ký kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động sai quy định sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục&Đào tạo năm 2019, UBND huyện Quảng Trạch yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ kế hoạch này để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ; (để BC)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện; (đăng Website);
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

UỶ CHỨC TỊCH

UỶ CHỨC TỊCH



Nguyễn Hoàng Anh

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC
SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019
của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao năm học 2019 - 2020	Số biên chế đã tuyển dụng	Số lượng biên chế chưa tuyển dụng	Số lượng chỉ tiêu biên chế tuyển dụng đặc cách năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	KHỐI MẦM NON					
1	MN Quảng Đông	35	33	2	1	
2	MN Quảng Châu	47	40	7	4	
3	MN Quảng Tùng	35	28	7	3	
4	MN Cảnh Dương	50	46	4	3	
5	MN Quảng Hưng	40	36	4	1	
6	MN Quảng Xuân	47	43	4	2	
7	MN Quảng Thanh	27	25	2	1	
8	MN Quảng Trường	23	20	3	2	
9	MN Quảng Phương	39	37	2	1	
10	MN Quảng Lưu	33	29	4	2	
	Cộng I	376	337	39	20	
II	KHỐI TIỂU HỌC					
1	TH số 1 Quảng Phú	38	33	5	4	
2	TH số 2 Quảng Phú	20	15	5	2	
3	TH Quảng Kim	22	18	4	1	
4	TH số 1 Quảng Châu	32	27	5	4	
5	TH Quảng Tùng	34	28	6	3	
6	TH Cảnh Dương	40	34	6	3	
7	TH số 2 Quảng Xuân	24	20	4	2	
8	TH Quảng Thanh	24	20	4	3	

JK

TT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao năm học 2019 - 2020	Số biên chế đã tuyển dụng	Số lượng biên chế chưa tuyển dụng	Số lượng chỉ tiêu biên chế tuyển dụng đặc cách năm 2019	Ghi chú
9	Tiểu học và THCS Quảng Trường	36	32	4	2	
10	TH Quảng Phương A	23	21	2	1	
11	TH Quảng Phương B	24	19	5	2	
12	TH Quảng Lưu	31	27	4	1	
13	TT GD Trẻ khuyết tật	46	33	13	4	
	Cộng II	394	327	67	32	
III	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ					
1	THCS Quảng Đông	22	20	2	1	
2	THCS Quảng Phú	36	31	5	1	
3	THCS Quảng Kim	19	17	2	1	
4	THCS Quảng Tùng	29	25	4	1	
5	THCS Cảnh Dương	34	31	3	2	
6	THCS Quảng Hưng	29	27	2	1	
7	THCS Quảng Xuân	41	39	2	1	
8	THCS Quảng Liên	18	13	5	2	
9	Tiểu học và THCS Quảng Trường	36	32	4	1	
10	THCS Phù Hóa	22	21	1	1	
11	THCS Quảng Lưu	24	21	3	1	
12	THCS Quảng Thạch	22	19	3	1	
	Cộng III	332	296	36	14	
	Tổng cộng (I+II+III)	1102	960	142	66	

Danh sách này gồm 66 vị trí tuyển dụng./.

TỔNG HỢP

**VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019**
Kèm theo Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Quảng Trạch



Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển		Ghi chú		
			Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học		Ngoại ngữ	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	
KHỐI MẦM NON									
MN-01	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Đông	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-02		4		MN Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-03		1		MN Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-04		3		MN Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-05		1		MN Quảng Hưng		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-06		2		MN Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-07		1		MN Quảng Thanh		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-08		1		MN Quảng Phương		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-09		2		MN Quảng Lưu		B trở lên	Anh B trở lên		
MN-10		2		Giáo viên Mầm non		MN Quảng Tùng	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên
MN-11		1				MN Quảng Trường	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-12		1		Giáo viên Mầm non		MN Quảng Trường	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên
Cộng 1		20							

(Handwritten mark)

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển		Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	

KHỎI TIỂU HỌC

1	TH-01	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07	3	TH số 1 Quảng Phú	B trở lên	Anh B trở lên	
2	TH-02		2	TH số 2 Quảng Phú	B trở lên	Anh B trở lên	
3	TH-03		1	TH Quảng Kim	B trở lên	Anh B trở lên	
4	TH-04		2	TH số 1 Quảng Châu	B trở lên	Anh B trở lên	
5	TH-05		2	TH Quảng Tùng	B trở lên	Anh B trở lên	
6	TH-06	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	3	Giáo viên 9 môn	B trở lên	Anh B trở lên	
7	TH-07		2	TH số 2 Quảng Xuân	B trở lên	Anh B trở lên	
8	TH-08		2	TH Quảng Thanh	B trở lên	Anh B trở lên	
9	TH-09		1	TH Quảng Phương A	B trở lên	Anh B trở lên	
10	TH-10		2	TH Quảng Phương B	B trở lên	Anh B trở lên	
11	TH-11		2	TH và THCS Quảng Trường	B trở lên	Anh B trở lên	
12	TH-12		1	TH số 1 Quảng Châu	B trở lên	Anh B trở lên	
13	TH-13		1	TH Quảng Thanh	B trở lên	Anh B trở lên	
14	TH-14		1	TH Quảng Lưu	B trở lên	Anh B trở lên	
15	TH-15		1	TH số 1 Quảng Phú	B trở lên	Anh B trở lên	
16	TH-16		1	TH số 1 Quảng Châu	B trở lên	Anh B trở lên	
17	TH-17	1	TH Quảng Tùng	B trở lên	Anh B trở lên		
18	TH-18	1	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TTGD trẻ khuyết tật	B trở lên	Anh B trở lên	

Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành:
Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.

Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành:
Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.

Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.

Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất-Quốc phòng; Thể dục; Thể thao. Hoặc Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất-Quốc phòng; Thể dục; Thể thao có Chứng chỉ sư phạm.

Tốt nghiệp Cao đẳng Công tác xã hội trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; chứng chỉ Đoàn - Hội - Đội.

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
19	TH-19	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	2	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
20	TH-20	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	1	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.			

Cộng II

32

KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

III	Mã số	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Giáo viên Toán học	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Sinh học	Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
							THCS Quảng Đông	THCS Quảng Kim	THCS Cảnh Dương	
1	CS-01	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Toán học	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Sinh học	THCS Quảng Đông	B trở lên	Anh B trở lên	
2	CS-02		1				THCS Quảng Kim	B trở lên	Anh B trở lên	
3	CS-03		1				THCS Cảnh Dương	B trở lên	Anh B trở lên	
4	CS-04		1				THCS Quảng Hưng	B trở lên	Anh B trở lên	
5	CS-05		1				THCS Quảng Liên	B trở lên	Anh B trở lên	
6	CS-06	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Toán học	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Sinh học	THCS Phù Hóa	B trở lên	Anh B trở lên	
7	CS-07		1				THCS Quảng Phú	B trở lên	Anh B trở lên	
8	CS-08	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Sinh học	Giáo viên Sinh học	THCS Cảnh Dương	B trở lên	Anh B trở lên	
9	CS-09		1				THCS Quảng Xuân	B trở lên	Anh B trở lên	
10	CS-10		1				THCS Quảng Thạch	B trở lên	Anh B trở lên	
11	CS-11	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Sinh học	Giáo viên Sinh học	Giáo viên Sinh học	THCS Quảng Tùng	B trở lên	Anh B trở lên	
12	CS-12		1				THCS Quảng Liên	B trở lên	Anh B trở lên	
13	CS-13	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Tiếng Anh			Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Sinh học hoặc Sinh - Thể.	B trở lên	Anh B trở lên	
14	CS-14	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Thể dục			Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Thể chất - Giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất; Thể dục thể thao.	B trở lên	Anh B trở lên	

Cộng III

14

Tổng cộng (I+II+III)

66 vị trí

4